

Số: 54/2020/QĐST-HNGĐ

*Tp. H, ngày 01 tháng 7 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Phạm Đức P, sinh năm 1978.

HKTT: Đội 7, thôn D, xã T, huyện T1, tỉnh Hưng Yên.

Trú tại: Số nhà 11/120 đường P, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

**Bị đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm 1987.

HKTT: A2, ngõ 120 đường P, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Trú tại: Số nhà 11/120 đường P, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Phạm Đức Đ, sinh ngày 30/01/2012.

Cháu Phạm Minh T2, sinh ngày 22/9/2014.

Cùng HKTT: A2, ngõ 120 đường P, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho các cháu: Anh Phạm Đức P và chị Bùi Thị N - Là bố mẹ đẻ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/6/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**Quyết định:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đức P và chị Bùi Thị N.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức P và chị Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Bùi Thị N nhận trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu chắt Phạm Đức Đ, sinh ngày 30/01/2012 và cháu Phạm Minh T2, sinh ngày 22/9/2014, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Đức P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ là 2.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cháu Phạm Minh T2 thì chị N tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu hàng tháng.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày chị N có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu anh P không chịu thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Đức P tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, cộng bằng 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu số: AA/2019/0001136 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh P đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Tp H;
- UBND xã T, huyện T1, tỉnh Hưng Yên  
(Đăng ký số 32 ngày 20/5/2009)
- Chi cục THADS Tp H;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Kim Anh**

